

Bản án số: 10/2025/DS-ST  
Ngày: 13-02-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Duy Đ, năm sinh 1980 và bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1960; cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến L là anh Dương Duy Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương Duy Đ, cũng là đại diện của bà Nguyễn Thị Yến L, trình bày: Nguyên anh và mẹ anh là bà Nguyễn Thị Yến L có quen biết với bà Nguyễn Thị Thu H, nên mẹ con anh đã cho bà Thu H vay số tiền 350.000.000đ và có làm biên nhận ngày 9/7/2021, do bà Thu H ký nhận và lẫn

tay, việc vay không có ghi thời hạn trả, có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, mục đích vay là để đầu tư nuôi tôm và trang trải cuộc sống. Trong quá trình vay, bà T Hai chỉ trả lãi được 05 tháng, mỗi tháng 5.000.000đ. Từ ngày 01/01/2022 đến nay bà T Hai không trả khoản tiền gốc, lãi nào. Do có nhu cầu đòi lại tiền gốc nên ngày 17/7/2024, anh và mẹ anh đã yêu cầu bà T Hai trả lại số tiền vay gốc 350.000.000đ và tiền lãi, nhưng bà T Hai không trả. Nay anh và mẹ anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả số tiền vay nợ gốc là 350.000.000đ và nợ lãi tính từ ngày 01/01/2022 đến 19/8/2024 là 31 tháng 18 ngày, lãi suất 1,66%/tháng là 183.596.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 533.596.000 đồng. Tại phiên tòa, anh đồng ý không tính lãi, chỉ yêu cầu trả gốc 350.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà có tham gia chơi hội do bà Yến L làm chủ hội. Bà không có vay tiền gì của bà Yến L và anh Dương Duy Đ. Đến ngày 09/7/2021, bà còn nợ tiền hội của bà Yến L 70.000.000đ tiền gốc và 22.000.000đ tiền lãi, tổng cộng nợ 92.000.000đ. Sau đó, bà Yến L và anh Dương Duy Đ tự làm biên nhận và bắt bà lặn tay vô. Do sợ gia đình biết bà thiếu nợ tiền hội của bà Yến L và sợ bà Yến L làm lớn chuyện sẽ ảnh hưởng đến uy tín của chồng bà và hạnh phúc gia đình bà, nên bà đã ký tên, lặn tay vào biên nhận ngày 09/7/2021, do bà Yến L và anh Dương Duy Đ tự làm. Bà không biết chữ nên không đọc lại nội dung. Thật sự bà chỉ nợ tiền hội của bà Yến L là 92.000.000đ, và đồng ý trả cho bà Yến L 92.000.000đ. Việc bà Yến L, anh Duy Đ trình bày là bà vay tiền 350.000.000đ để đầu tư nuôi tôm là không đúng, từ trước đến nay gia đình bà chỉ có 02 công đất rẫy trồng chuối và cây tạp không có đầu tư nuôi tôm gì cả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H trả cho anh Đ và bà L số tiền vay 350.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tại phiên tòa, anh Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[3] Xét việc anh Đ và bà L yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, vì: Bà H thừa nhận có ký tên, lăn tay vào văn bản vay số tiền 350.000.000 đồng, mà phía nguyên đơn xuất trình cho Tòa án. Việc bà H cho rằng không xem lại văn bản nên không biết nội dung như thế nào thì bà cũng phải chịu trách nhiệm với nội dung văn bản đã giao kết. Bà H không đưa ra được chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*”; “4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ và bà L, buộc bà H trả số tiền vay còn nợ gốc là 350.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất, không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà H là người cao tuổi tại phiên tòa đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được miễn án phí. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp 6.670.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 95, 144, 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 15, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L số tiền vay còn nợ 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

#### 3.1. Bà H được miễn án phí.

3.2. Trả lại cho anh Dương Duy Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.670.000 đồng theo Biên lai số 0014353 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/02/2025).

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**